TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI Bản án số: 196/2024/DS-PT Ngày: 26/4/2024 *V/v "Tranh chấp về đòi tài sản, yêu cầu hủy quyết định cấp GCNQSDĐ và hủy GCNQSDĐ"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng ĐL;

Các Thẩm phán: Ông Ong TT;

Ông Phạm VH.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Duy K, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc T, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024, về việc: "Tranh chấp về đòi tài sản, yêu cầu hủy quyết định cấp Giấy chứng nhận và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Do có kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DSST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4420/2024/QĐPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Ông Hà Trọng Đ, ông Trần Ngọc C, Luật sư Công ty L4 và cộng sự - Đoàn Luật sư H2; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn L, sinh năm: 1957; Bà Hà Thị T1, sinh năm: 1958; Đều HKTT: Thôn L, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông L, bà T1: Chị Vũ Thị T2, sinh năm: 1998. HKTT: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Hiện cư trú: Tầng 1, số C phố X, phường T, quận C, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L, bà T1: Ông Vũ Văn T3, Luật sư Công ty L5 - Đoàn luật sư thành phố H2. Địa chỉ: Tầng D, số A, ngõ A, đường N, quận T, thành phố Hà Nội; Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện V, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Quốc H, chức vụ: Chủ tịch; Đại diện theo uỷ quyền: Ông Chu Toàn T4, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Tại đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn ông Đỗ Văn T trình bày và yêu cầu: Tháng 6 năm 1989 ông sang Liên Bang N làm việc. Trong quá trình làm việc, ông có gửi hàng hoá về Việt Nam cho ông Đỗ Văn L1 là anh trai thứ hai nhận và bán hàng giúp ông. Năm 1991, ông Đỗ Văn L là anh trai thứ nhất đã viết thư gửi cho ông, nói là ông đã nghỉ chế độ một lần, muốn giúp ông nhận tiền và hàng hoá. Từ năm 1991 đến năm 1993, ông nhiều lần gửi hàng hóa từ Liên Bang N về cho ông L để bán, số tiền thu được ông L quản lý và sử dụng. Ông L có nói với ông đã sử dụng một phần số tiền thu được từ việc bán hàng hóa, để mua cho ông 01 chiếc xe máy BKS 34 -168H4, nhãn hiệu Drem II, mang tên Đỗ Văn L, trị giá 36.000.000 đồng, hiện nay ông L đã trả lại ông chiếc xe máy này vào năm 1998; ông L mua cho ông một mảnh đất gắn liền với nhà tại thôn L, xã L giá 30.000.000 đồng của ông Đỗ Văn X, sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên, mảnh đất trên đứng tên cụ Đỗ Văn O là bố ông (đã chết năm 1996) hiện nay mảnh đất này sang tên cho ông; ông L mua cho ông 10 cây vàng hiện ông L đang quản lý. Từ năm 1993 đến năm 1995, ông tiếp tục gửi nhiều lần ngoại tệ cho ông Đỗ Văn L thông qua trung gian là ông Ngô Văn T5, sinh năm: 1962. Địa chỉ: Số B B, T, quận C, Hà Nội tổng số 20.000 USD, mục đích để cho ông L giữ hộ. Năm 1995, ông về nước và kết hôn với bà Nguyễn Thị Thúy D. Vợ chồng ông sống tại nhà đất mua của ông Đỗ Văn X cùng với vợ chồng cụ O. ông L đã bỏ số tiền 20.000 USD và 10 cây vàng ra kiểm đếm lại cho ông được biết, ông có ghi vào giấy nội dung ông L giữ giúp ông 20.000 USD và 10 cây vàng, ông L là người giữ tờ giấy đó. Trong thời gian này, ông và ông L có đi xem 02 lô đất ở Cầu C, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên nhưng chỉ mua được 01 lô khoảng 80 m^2 với giá 10.000.000 đồng, ông L là người trả tiền bằng nguồn tiền ngoại tệ 20.000 USD. Đất đứng tên ông L, hiện đã bán cho ông Phạm Huy H1, sinh năm: 1973. Địa chỉ: xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Khoảng tháng 10 năm 1995, ông có biết việc UBND xã L tổ chức bán đấu thầu đất, mỗi người chỉ

được mua 1 suất. Do ông có nhu cầu mua 03 suất nên ông có nhờ ông L, ông L1 đều là anh trai cùng ông đến UBND xã L gặp ông S - Phó chủ tịch xã L, ông Phạm Văn L2 - Chủ tịch xã L được gắp phiếu mua đất, ông và ông L gắp được mỗi người một phiếu, còn ông L1 không gắp được phiếu. Sau đó ba anh em ông về nhà, ông và ông L ra Hà Nội bán 6.400 USD được 64.000.000 đồng, ông đưa cả cho ông L để ông L đi nộp tiền hai lô đất. Sau khi ông L nộp tiền hai lô đất, ông L có thông báo lại cho ông. Sau khi mua ông L đã quản lý sử dụng cả hai thửa đất. Năm 1996, ông L sử dụng số tiền 20.000 USD xây dựng nhà. Ông L là người đóng thuế đất từ khi mua cho đến nay. Ông và ông L không thoả thuận gì về công xá từ việc bán hàng hộ cho ông, cũng như mua đất hộ cho ông. Năm 1997, ông tiếp tục nhờ ông Ngô Văn T5 giao cho ông L 10.000 USD để ông L giữ hộ. Cùng trong năm 1997, ông L đi làm thủ tục cấp sổ đỏ cho hai thửa đất, một thửa đứng tên ông và một thửa đứng tên ông L. Sau khi nhận 2 sổ đỏ trên, ông L có gọi điện cho ông thông báo về việc này. Năm 1998, ông và ông L đã quyết toán, ông L thừa nhận tiền xây dựng nhà, tiền dựng bình bia 1.200 lít, một điện thoại bàn tổng số 100.000.000 đồng tương đương 10.000 USD, còn giữ của ông số tiền còn lại. Sau đó khoảng 10 ngày, ông L trao đổi với ông sẽ trả ông chiếc xe máy Dream II và xin ông số tiền 2.700 USD để mua xe máy Cub 82. Khoảng năm 2009 – 2010, ông L trao đổi với ông về việc tu sửa lại căn nhà trên đất mua đấu giá, nên ông có gửi cho ông Đỗ Văn L lần 1 là 3.000 USD để xây lên tầng 2, lần 2 là 2.000 USD để sửa sang quán bán hàng. Hiện nay suất đất giáp đất ông L quản lý ông đã bán. Đối với suất đất ông L quản lý, được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(GCNQSDĐ) số K078969, vào sổ cấp số 1588 QSDĐ ngày 03/10/1997, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 03, diện tích 100 m^2 địa chỉ thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên mang tên Đỗ Văn L. Do ông L không trả lại cho ông nhà đất tại thửa đất số 538, tờ bản đồ số 03, nên ông khởi kiện yêu cầu: Công nhận quyền sở hữu, sử dụng của ông Đỗ Văn T đối với nhà đất thuộc thửa đất số 538, tờ bản đồ số 03, diện tích 100 m^2 tại thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên và buộc ông Đỗ Văn L phải trả lại nhà đất trên cho ông Đỗ Văn T. Yêu cầu huỷ một phần quyết định cấp GCNQSDĐ số 170-QĐ/UB ngày 03/10/1997 của UBND huyện C (nay là UBND huyện V), huỷ GCNQSDĐ số K078969, vào sổ cấp số 1588 QSDĐ ngày 03/10/1997, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2 địa chỉ thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên mang tên Đỗ Văn L.

[2]. Quan điểm của bị đơn ông Đỗ Văn L; bà Hà Thị T1 trình bày:

Ông Đỗ Văn L là anh trai của ông Đỗ Văn T. Năm 1988, ông Đỗ Văn T sang Liên bang N lao động, ông T có gửi hàng từ Liên bang N về Việt Nam để bán. Thời gian này ông đang làm công nhân tại nhà máy T13 ở Hòa Bình. Ông có hùn vốn cùng với ông T để buôn bán. Năm 1991, để việc làm ăn hiệu quả hơn, ông T bàn bạc với ông và thống nhất việc ông nghỉ việc tại Nhà máy T13, về quê sống vừa làm

nghề mộc vừa phối hợp làm ăn với ông T. Cách thức làm ăn: Hàng hoá được ông T đặt mua từ nước ngoài chuyển về Việt Nam qua cảng Hải Phòng. Khi hàng hoá gần đến cảng H, ông T báo cho ông ra cảng H nhận hàng. Sau khi nhận hàng, ông phụ trách việc bán hàng tại Việt Nam rồi chuyển tiền sang Nga, ông T tiếp tục nhập hàng các đợt tiếp theo. Năm 1995, xã L bán đất, ông và ông T mua 2 suất đất cạnh nhau, mỗi suất 100 m^2 tổng là 64.000.000 đồng. Thời gian này, ông T về phép nên mỗi người tự mua và đứng tên trên đất của mình. Gia đình ông xây dựng nhà và sinh sống trên một phần đất này, một phần còn lại tiếp giáp với đường giao thông ông dùng làm quán. Ông T tiếp tục đi làm ăn tại Liên bang N. Vì là anh em làm ăn chung, nên khi xây dựng quán, ông xây dựng trên đất của cả hai thửa để vừa làm kho, vừa làm nơi bán hàng. Ngoài mua đất của UBND xã L, ông và ông T còn mua một số mảnh đất khác, cụ thể như sau: Năm 1992, ông và ông T thoả thuận dùng tiền làm ăn chung mua ngôi nhà 2 tầng, trên thửa đất 277m^2 tại thôn L, xã L của ông Đỗ Mạnh X1 với giá 21.000.000 đồng. Sau đó, ông có sửa lại tầng 2 và xây thêm hai gian bếp hết 90.000.000 đồng. Ông đón bố mẹ đến ở và trông nom. Cuối năm 1993, ông và ông T thoả thuận dùng tiền làm ăn chung mua 100m^2 đất của ông V ở Cầu C trị giá 15.000.000 đồng. Khi mua thửa đất này, do ông T đang ở Liên bang N, nên ông là người trực tiếp giao dịch và làm thủ tục, sổ đỏ đứng tên ông. Năm 1998, ông T báo vỡ nợ và nhờ ông vay tiền để trả nợ. Ông đã vay của ông Đào Văn N1 200.000.000 đồng, vay ông Trương Văn K 150.000.000 đồng. Năm 2001, ông và ông T thống nhất bán thửa đất 100 m^2 ở Cầu C cho ông bà L với giá 500.000.000 đồng, ông đã gửi cho ông T số tiền 400.000.000 đồng để trả nợ, số tiền còn lại 100.000.000 đồng ông đưa cho bà Nguyễn Thị Thúy D, vợ ông T. Đối với thửa đất 277 m^2 vợ con ông T ở với bố mẹ ông, nên khi bố mẹ ông qua đời thì vợ chồng ông T sang tên thửa đất này. Đối với thửa đất số 538, tờ bản đồ số 03, diện tích 100 m^2, ông T chưa bao giờ yêu cầu ông trả lại nhà đất, vì ông và ông T là quan hệ làm ăn, phân chia lợi nhuận và dùng lợi nhuận để mua đất, thửa đất trên đã được cấp GCNQSDĐ số K078969, vào sổ cấp số 1588 QSDĐ ngày 03/10/1997, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2 địa chỉ thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên mang tên Đỗ Văn L. Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T.

[3]. Quan điểm của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

[3.1]. Bà Nguyễn Thị Thúy D trình bày: Bà và ông T là vợ chồng, hai bên tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 15/8/1995. Bà được biết ông T sang Nga làm việc từ tháng 6 năm 1989. Trong thời gian làm việc tại Nga, ông T nhiều lần gửi hàng hóa về Việt Nam cho ông L bán giúp. Ngoài gửi hàng, thì từ năm 1993 đến 1995, ông T còn gửi ngoại tệ về cho ông L giữ hộ tổng khoảng 20.000USD. Đến năm 1995, ông T về Việt Nam. Thời gian này, ông L có bỏ số tiền 20.000USD và 10 cây vàng (là tiền lãi bán hàng hóa do ông T gửi về) ra đếm cho ông T biết. Sau

đó thì ông L tiếp tục giữ hộ số tiền vàng trên. Khi ở nhà được 1 tháng, ông T và ông L có đi xem hai lô đất ở trên Cầu C, nhưng sau đó chỉ mua được 1 lô đất. Năm 1995, ông T đang ở Việt Nam được biết xã L bán đất và mỗi người chỉ được mua 1 lô. Do muốn mua 3 lô, nên đã nhờ ông Đỗ Văn L1 và ông Đỗ Văn L cùng vào UBND xã tham gia đấu thầu. Kết quả ông T, ông L mỗi người trúng 1 lô, còn ông L1 thì trượt. Ông T đã lấy 6.400USD và cùng ông L ra Hà Nội bán được 64.000.000đ để trả tiền hai lô đất. Khoảng 40 ngày sau, ông T lại sang Nga. Mặc dù bà và ông T đã là vợ chồng, nhưng mọi việc liên quan đến tài chính thì ông T vẫn nhờ ông L, thực hiện không thông qua bà. Sang N2 được 2 tháng, ông L có nói giúp ông T xây nhà trên lô đất mới mua tại thôn N, xã L. Năm 1997, ông T gửi cho ông L 10.000 USD. Năm 1998, ông T về Việt Nam, ông L thanh toán với ông T tiền nguyên vật liệu, thợ xây, tiền dựng 1 bình bia 1200 lít, tiền lắp điện thoại bàn tổng số là 100.000.000đ. Sau khoảng 10 ngày, ông L trả cho ông T chiếc xe máy Dream II, đồng thời xin 2.700USD để ông L mua xe máy cúp 82, ông T đồng ý và đưa tiền cho ông L. Khoảng từ năm 1999 đến 2002, ông T cói gọi điện thoại từ N2 về hỏi vay tiền ông N1 200.000.000đ, của ông K 100.000.000đ và của ông T6 100.000.000đ. Đến năm 2005, bà đã bán lô đất mua của ông V ở Cầu C được hơn 500.000.000đ. Bà cùng ông L trả nợ cho những người vay nêu trên hết 400 triệu đồng, còn lại 100 triệu đồng đã chuyển sang cho ông T. Đến năm 2006, ông T về Việt Nam và lấy 5000USD để sửa sang lại nhà cho ông bà và vợ con. Năm 2009, 2010 ông L nói với ông T là nhà ông đứng tên giúp bị hỏng phải tu sửa lại, nên ông T đã gửi 3000 USD để ông L xây thêm tầng 2. Tiếp theo đó, ông L gửi 2000USD cho ông L để sửa quán bán hàng. Năm 2015, ông T có ý định về Việt Nam lâu dài, nên đã gọi điện từ N2 về cho ông L, đề nghị sang tên lô đất 101m^2 tại thôn N cho ông T, ông L đồng ý. Ông T đã bảo con trai là Đỗ Thanh T7 xuống gặp ông L đưa giấy tờ pho to nhà đất, chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu để làm hồ sơ công chứng, ông L nói "mày trẻ con không biết gì về đi". Ông T liên tục gọi điện về, ông L đồng ý trả đất. Nhưng khi về nước, ông T cùng con trai là anh T7 xuống nhà, thì ông L không đồng ý trả nhà đất. Từ năm 2015 đến nay, ông T nhiều lần đề nghị vợ chồng ông L, bà T1 trả nhà đất nhưng đều bị từ chối.

[3.2]. Đại diện của Ủy ban nhân dân huyện V trình bày: Năm 1995 – 1996, Huyện C cũ thực hiện đo đạc bản đồ địa chính, kê khai cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã L. Việc đăng ký kê khai cấp do UBND xã L tổ chức xét duyệt, lập hồ sơ trình UBND huyện C cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân trong đó có thửa đất của ông Đỗ Văn L. Ngày 01/9/1999, huyện V được tái lập và nhận bàn giao một số tài liệu về đất đai của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện trong đó có bản đồ sổ mục kê, danh sách đề nghị cấp GCNQSDĐ của UBND xã L. Qua kiểm tra bản đồ, sổ mục kê và đơn xin cấp GCNQSDĐ lưu tại UBND xã L thể hiện: Ông Đỗ Văn L đăng ký, kê khai xin cấp đất đối với thửa đất số 538, tờ bản đồ

số 3, diện tích 100m^2 đất ở. Ông L đã được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ theo Quyết định số 170 QĐ/UB ngày 03/10/1997. Hồ sơ cấp đất lần đầu cho ông Đỗ Văn L theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

[4]. Những người làm chứng trình bày:

- Bà Đỗ Thị V1: Bà là chị gái của ông Đỗ Văn T và ông Đỗ Văn L, bà không có mâu thuẫn gì với cả hai ông. Bà nhớ ông T có thời gian sang Nga làm việc còn ông L đi làm công nhân thủy điện sau đó về quê làm thợ mộc. Ông T có gửi ông L tiền tiết kiệm được trong thời gian lao động tại Nga. Ông T đi được mấy năm thì về quê chơi, đúng thời điểm ông T về nước, UBND xã L bán đất giãn dân. Bà được biết cả hai ông T, ông L cùng đi mua đất nhưng bằng tiền của ông T, ngoài ra ông T còn nhờ cả ông L1 đứng tên giúp ông T mua đất. Kết quả đấu thầu ông T và ông L trúng hai xuất đất liền kề nhau. Thửa đất đứng tên ông L chính là xuất đất trước đây ông T nhờ ông L đứng tên giúp. Sau khi đấu thầu xong, ông T sang Nga làm việc. Ông L ở nhà quản lý sử dụng cả hai thửa đất, và xây dựng quán bán hàng tạp hoá, bán bia. Tiền xây dựng, kinh doanh cũng là của ông T. Một thời gian sau, ông T gửi tiền về cho ông L xây nhà hộ, ông L chỉ đứng lên xây dựng giúp. Ngôi nhà hiện nay vẫn còn, ông L hiện đang sử dụng để ở và bán bia. Ngoài thửa đất và ngôi nhà đang ở, ông L vẫn còn một thửa đất của bố mẹ để lại và có nhà. Khi ông T về nước đòi lại nhà đất nhưng ông L không trả. Theo bà việc ông T đòi lại nhà đất là đúng.

- Ông Đỗ Văn L1: Ông là anh trai của ông T và là em trai của ông L. Ông T sang Liên Bang N làm ăn từ năm 1989. Năm 1990, ông có nhận một chuyến hàng do ông T gửi về, ông chỉ bán một phần số hàng hoá do ông T gửi về để lấy tiền cước còn lại để cho ông L bán hộ ông T. Sau đó ông T nhiều lần gửi hàng hoá về cho ông L bán. Khi đó ông L đi công nhân xin nghỉ một lần, gia đình không có điều kiện về kinh tế. Đến năm 1995, ông T về Việt Nam thì được biết thông tin UBND xã L bán đất đầu thầu. Do quy định mỗi người chỉ được đứng tên mua một suất đất nên ông T có nhờ ông và ông L đi cùng đến UBND xã L để đứng tên giúp cho ông T mua đất. Kết quả đấu thầu ông không mua được suất đất nào, còn ông T và ông L mua được mỗi người một suất đất. Thửa đất ông L xây dựng nhà và đang ở bây giờ chính là suất đất trước đây ông L đứng tên mua giúp ông T. Ông chứng kiến buổi đấu thầu đất năm 1995 nên ông biết việc ông T nhờ ông L đứng tên đấu thầu đất hộ ông T, tiền mua đất là tiền của ông T. Sau khi mua đất ông T tiếp tục sang L Nga làm việc. Ông T nhờ ông L trông nom đất và ông T còn gửi tiền về cho ông L xây nhà. Ông và các anh em trong gia đình đều biết việc này. Ông xác định, ông L không đóng góp kinh tế và không có việc làm ăn chung với ông T. Ông L chỉ là người nhận hộ hàng hoá để bán hộ ông T. Ông và ông L có đi mua đất của ông V ở Cầu C bằng nguồn tiền của ông T. Thửa đất này đứng tên ông L và sau đó thì ông L đã bán và đưa tiền cho bà D. Ngoài ra, ông L còn đứng ra mua thửa đất của ông X1 (hiện đã

sang tên ông T); mua hai xe máy một xe Dream II, 1 cúp 82 đều đứng tên ông L. Tất cả đều bằng nguồn tiền bán hàng và tiền ông T gửi về. Đối với chiếc xe máy Dream II, ông L đã trả ông T.

- Bà Đỗ Thị T8: Bà là em ruột của ông T và ông L. Ông T sang Liên Bang N làm việc từ năm 1989. Năm 1996, ông T về Việt Nam thì được biết thông tin UBND xã L bán đấu thầu đất nên ông T có nhờ ông L1 và ông L xuống UBND xã L đấu thầu. Kết quả đấu thầu đất ông T và ông L đều trung thầu, thửa đất ông L xây nhà và đang ở bây giờ chính là suất đất ông L đứng tên mua giúp ông T, tiền mua đất là của ông T. Sau khi mua đất ông T sang Liên Bang N làm việc. Ông T có nhờ ông L trông nom đất và gửi tiền về cho ông L xây dựng nhà.

- Bà Đỗ Thị B: Bà là chị ruột của ông L. Bà được biết ông T sang Liên Bang N2 làm việc từ năm 1989, đến năm 1996 ông T về Việt Nam thì được biết thông tin UBND xã L bán đấu thầu đất quy định mỗi người chỉ được mua 01 suất đất nên ông T có nhờ ông L1 và ông L xuống UBND xã L để đứng tên giúp ông T mua đất. Kết quả đấu thầu ông T và ông L mỗi người mua được một suất, thửa đất ông L đang ở là suất đất ông L đứng tên giúp ông T.

- Ông Đỗ Văn L3: Ông là anh trai của ông L và ông T. Năm 1989, ông T sang Liên Bang N làm việc, khi ông T về Việt Nam thì được biết thông tin UBND xã L bán đất đấu thầu quy định mỗi người mua một suất đất nên ông T có nhờ ông L1 và ông L xuống UBND xã L để đứng tên giúp ông T mua đất. Kết quả đấu thầu ông T và ông L mỗi người đứng tên được một suất. Suất đất ông L đang sử dụng là suất đất ông L đứng tên cho ông T. Ông L có hỏi ông về việc kinh doanh xăng dầu trên thửa đất này. Và cho ông biết tiền làm nhà, mua đất là do ông T gửi về trong thời gian ông T đi nước ngoài, ông L chỉ ở nhà làm thợ mộc không có tiền mua đất. Có việc ông T gửi hàng bên N2 về cho ông L bán. Ông khẳng định tiền mua đất và xây nhà là tiền của ông T.

- Bà Đỗ Thị Đ1: Bà là em dâu của ông L. Ông T đi lao động tại Liên Bang N từ năm 1989. Từ năm 1991 đến năm 1996 ông T có gửi hàng, tiền về cho ông L bán và giữ hộ ông T. Vào năm 1996, bà được biết ông T có nhờ ông L1 và ông L xuống UBND xã L mua đấu thầu đất. Kết quả đấu thầu ông T và ông L mỗi người mua được một suất đất. Thửa đất ông L đang ở và bán hàng chính là suất đất trước đây ông T nhờ ông L đứng tên giúp, tiền mua đất là tiền của ông T. Năm 1997, ông L xây dựng nhà trên đất mà ông L đứng tên giúp ông T. Tất cả các khoản tiền nhà, đất, tiền dựng bình bia 1.200 lít đều là tiền của ông T. Ông L chỉ trông nom giúp.

- Ông Chử Văn S1: Ông là anh rể của ông L và ông T. Năm 1989, ông T đi làm việc tại Liên Bang N, đến năm 1996 ông T về Việt Nam thì đươc biết thông tin UBND xã L bán đấu thầu đất, quy định mỗi người chỉ dược đứng tên mua một suất

nên ông T có nhờ ông L1 và ông L xuống UBND xã L để đứng tên giúp ông T mua đất. Kết quả đấu thầu ông T và ông L mua được mỗi người một suất. Thửa đất ông L xây dựng nhà và đang ở bây giờ là suất đất của ông T nhờ ông L đứng tên. Sau khi mua đất ông T sang Nga làm việc và nhờ ông L trông nom đất. Ông T còn gửi tiền về cho ông L xây dựng nhà.

- Ông Đỗ Xuân U: Ông là chú của ông T và ông L. Năm 1996, ông T có nhờ ông L và ông L1 xuống UBND xã L để mua đấu thầu đất cho ông T. Kết quả đấu thầu ông T và ông L mỗi người mua được một suất. Thửa đất ông L đã xây dựng và đang ở chính là suất đất ông T nhờ ông L đứng tên mua hộ. Tiền mua đất và làm nhà là của ông T gửi về cho ông L. Ông L có nói chuyện tại nhà ông với nội dung tiền mua đất thửa 538 diện tích 100 m^2 là tiền của ông T, để hai anh em sau này kinh doanh cho đến khi nào ông T về thì ông L sẽ trả lại. Trong thời gian ông L làm nhà tại thửa đất này, ông L có hỏi ông tư vấn làm cây xăng như thế nào, ông có tư vấn làm cây xăng phải chú ý an toàn, sau đó ông L chuyển sang kinh doanh bia. Năm 2015 đo lại đất cát của các hộ gia đình, ông T về có yêu cầu ông L trả lại đất nhưng ông L không trả. Ông xuống trực tiếp nhà ông L và có tham gia với ông L thì ông L chỉ bảo bao giờ ông T về hẳn thì anh em sẽ nói chuyện với nhau. Khi ông T9 đứng ra làm lễ và có hỏi ông L lấy tiền đâu mua đất, làm nhà thì ông L có nói ông chỉ bỏ công sức thôi, ông T bỏ tiền ra mua đất, làm nhà.

- Bà Đỗ Thị T10: Bà là Bí thư Đảng uỷ xã L đến năm 1996 thì nghỉ hưu. Năm 1995, UBND xã L tổ chức bán đất dịch vụ kinh doanh gần chợ L6 mỗi suất 32.000.000 đồng, mỗi người chỉ được mua 01 suất. Thời điểm đó ông T đang ở nhà, ông T có nhờ ông L và ông L1 đi gắp phiếu hộ. Ông T và ông L đều gắp được phiếu còn ông L1 không gắp được phiếu. Ông T trả tiền cả hai suất là 64.000.000 đồng, sau đó ông T lại sang Liên Bang N làm việc. Ngoài ra, ông L còn mua hộ ông T 01 suất đất của ông Đỗ Mạnh X1 và 01 suất của ông V ở xã C.

- Ông Ngô Văn T5: Khoảng năm 1993 đến năm 1995, ông Đỗ Văn T có địa chỉ xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên có gửi cho ông chuyển giúp về Việt Nam một số lần với tổng số tiền khoảng 20.000 USD để đưa cho ông Đỗ Văn L là anh trai ruột của ông T. Trong năm 1997 ông T tiếp tục nhờ ông chuyển giúp về Việt Nam một số lần tổng số tiền khoảng 10.000 USD cho ông L, số tiền trên ông đã bàn giao toàn bộ cho ông L và đã thông báo lại cho ông T được biết.

- Ông Nguyễn Thành V2: Khoảng năm 1993, ông Đỗ Văn L ở thôn L, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên có mua của ông 01 lô đất tại thôn T, xã C. Ông L được em trai là Đỗ Văn T đang ở nước ngoài nhờ mua đất, tiền mua đất của ông là tiền ông T gửi về.

- Ông Đỗ Minh T11: Ông là anh em con dì ruột với ông T và ông L. Ông và ông L cùng làm nghề mộc với nhau. Khoảng năm 1995, ông có nghe thông tin từ ông L nói chuyện mua hộ cho ông T mấy mảnh gồm của ông X1, ông V2 và mua của xã L, nguồn tiền đều do ông T gửi về.

- Ông Đỗ Mạnh X1: Khoảng năm 1993, ông có bán cho ông Đỗ Văn L nhà 2 tầng trên mảnh đất 216 m^2 tại thôn L, xã L với giá 21.000.000 đồng. Lúc mua, ông L cho ông biết mua giúp ông Đỗ Văn T hiện đang ở nước ngoài, số tiền mua đất là tiền của ông T gửi về.

Ngân hàng A Chi nhánh huyện V cung cấp: Ngày 22/7/2010 có 01 Lệnh chi tiền, 01 phiếu nhận tiền, 01 phiếu hạnh toán với nội dung ông Đỗ Văn L nhận 300 USD từ người gửi ông Đỗ Văn T địa chỉ tại Nga.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã xác định:- Thửa đất số 538 tờ bản đồ số 03 diện tích 98,9 m^2 x 20.000.000 đồng = 1.978.000.000 đồng; - Tài sản trên đất: Nhà 2 tầng tường chịu lực, tầng 1 xây năm 1996, trần cao 4 m, tầng 2 xây năm 2015 mái lợp tôn, trần nhựa cao 3,2m trị giá 73.078.000 đồng; 01 gian chuồng lợn xây năm 1996 mái lợp Proximang cao 3,8m, giá trị sử dụng 3.364.000 đồng; Công trình phụ mái đổ trần, phía trên có bể chứa nước cao 2,2, xây năm 1996 diện tích 4,3m^2 giá trị sử dụng 2.028.000 đồng; Lán trước nhà mái lợp tôn cao trung bình 3,4m xây năm 1996 sửa chữa năm 2017 nền gạch men hoa giá trị 16.156.000 đồng; Lán trên phần đất lưu không cao trung bình 3,4m xây năm 1996 sửa chữa năm 2017 nền gạch đỏ có giá trị là 22.841.000 đồng; 01 giếng khoan có giá trị 1.656.000 đồng. Trị giá tài sản trên đất là 119.123.000 đồng. Tổng trị giá đất và tài sản trên đất là 2.097.123.000đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DSST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Căn cứ: Các Điều 105, 107, 163, 164, 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 và khoản 3 Điều 26; Điều 34, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T.

Xác định thửa đất số 538, tờ bản đồ số 03, diện tích 100 m^2 cùng các tài sản trên đất tại thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên là của ông Đỗ Văn T.

Buộc Đỗ Văn L và bà Hà Thị T1 phải trả lại cho ông Đỗ Văn T nhà đất trên diện tích 100 m^2 thuộc thửa đất số 538, tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. *(Đất và công trình trên đất có sơ đồ kèm theo)*

Buộc ông Đỗ Văn T phải trả cho ông Đỗ Văn L, bà Hà Thị T1 giá trị công sức là 973.000.000 đồng.

Huỷ một phần quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 170 QĐ/UB ngày 03/10/1997 của UBND huyện C (nay là UBND huyện V) và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K078969, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1588 QSDĐ ngày 03/10/1997 đối với thửa đất số 538, tờ bản đồ số 03, diện tích 100 m^2, địa chỉ thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên mang tên Đỗ Văn L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2023, ông Đỗ Văn L và bà Hà Thị T1 kháng cáo: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, định giá lại diện tích đất 100m^2.

Ngày 05/9/2023, ông Đỗ Văn T kháng cáo: đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận ông T phải trả công sức trông nom tài sản cho ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn có quan điểm đề nghị giữ yêu cầu kháng cáo. Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Bị đơn có quan điểm giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Luật sư bảo vệ cho bị đơn đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định pháp luật; Về đường lối giải quyết, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về đối tượng, thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Ông Đỗ Văn T khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sở hữu, sử dụng đối với nhà đất thuộc thửa đất số 538, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2 tại thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên và buộc ông Đỗ Văn L, bà Hà Thị T1 phải trả lại nhà đất nêu trên; yêu cầu huỷ một phần quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 170 - QĐ/UB ngày 03/10/1997 của UBND huyện C (nay là UBND huyện V) và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số K078969, vào sổ cấp số 1588 - QSDĐ ngày 03/10/1997 đối với thửa đất số 538, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2, địa chỉ thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên mang tên Đỗ Văn L. Xét đây là vụ án:"Tranh chấp về đòi tài sản, yêu cầu hủy quyết định cấp Giấy chứng nhận và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 26, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật, đối tượng, thẩm quyền thụ lý giải quyết là có căn cứ.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông T:

[3.1]. Xuất phát từ mối quan hệ là anh em ruột, nên giữa ông T và ông L có thoả thuận việc ông T gửi hàng hoá từ Liên Bang N về cho ông L bán. Việc ông T gửi hàng cho ông L được chính ông L và bà T1 thừa nhận, cụ thể: Sau khi ông T gửi hàng từ Nga về cảng H, ông T thông báo cho ông L ra nhận hàng, mang về bán lấy tiền để mua các bất động sản cùng các tài sản khác. Các tài sản được mua từ tiền bán hàng bao gồm: 100m^2 đất Cầu Chùa mua năm 1993 của ông Nguyễn Thành V2, trú tại thôn N, xã L trị giá 15.000.000đ, do ông L đứng ra giao dịch trả tiền và làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông L. Mua ngôi nhà hai tầng trên diện tích 277m^2 tại thôn L, xã L của ông Đỗ Mạnh X1 năm 1992 với giá 21.000.000đ. Sau khi mua làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đỗ Văn O là bố đẻ của hai ông T và ông L. Hiện nhà đất này vợ chồng ông T, bà D đang sử dụng và đứng tên quyền sở hữu. Mua hai xuất đất cạnh nhau năm 1995 của UBND xã L, mỗi xuất 100m^2 với giá 32.000.000đ/1 xuất. Trong đó xuất đứng tên ông T, ông T bán năm 2021; xuất đứng tên ông L hiện đang tranh chấp. Ngoài ra, ông L còn mua cho ông T một xe máy Dream II, Biển kiểm soát 34 – 168 H4, đứng tên đăng ký Đỗ Văn L ngày 20/3/1995. Chiếc xe này ông L đã trả và ông T đang sử dụng. Ông L cho rằng suất đất hiện đang xảy ra tranh chấp (thửa số 538, tờ bản đồ số 3 mua năm 1995) là của ông L, xuất phát từ việc ông L và ông T thỏa thuận làm ăn buôn bán chung và phân chia lợi nhuận. Thửa đất đứng tên ông L là do lợi nhuận của ông L, từ việc hùn vốn làm ăn buôn bán chung với ông T để dùng mua xuất đất này. Tuy nhiên, ông L không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc thỏa thuận làm ăn buôn bán chung, cũng như việc phân chia lợi nhuận giữa hai anh em. Phía ông T cũng không thừa nhận việc làm ăn chung, chỉ công nhận có việc ông gửi hàng về cho ông L bán hộ. Căn cứ lời khai của ông Phạm Văn L2 – Nguyên chủ tịch UBND xã L giai đoạn 1988 – 2000, bà Đỗ Thị T10 – Nguyên bí thư Đảng ủy xã xã L (nghỉ hưu năm 1996) thì năm 1995, UBND xã L tổ chức đấu giá đất dịch vụ, quy định mỗi người chỉ được mua một suất đất. Sự kiện ông T nhờ ông L1 và ông L tham gia đấu giá hộ đứng tên mua đất cho ông T là đúng, phù hợp với lời khai của ông L1 và các nhân chứng anh chị em ông L, phù hợp với chính lời khai của ông L xác định suất đất tranh chấp được mua bằng nguồn tiền bán hàng do ông T gửi về. Việc mua các bất động sản trong đó có thửa đất tranh chấp bằng nguồn tiền của ông T, còn được

xác định bằng các lời khai người làm chứng như ông Đỗ Mạnh X1 trình bày: "Khoảng năm 1993 ông có bán cho ông Đỗ Văn L nhà 2 tầng trên mảnh đất 216m^2 tại thôn L, xã L với giá 21.000.000đ, lúc mua ông L cho ông biết mua giúp ông Đỗ Văn T hiện đang ở nước ngoài, số tiền mua đất là tiền của ông T gửi về"; ông Nguyễn Thành V2 trình bày: "Khoảng năm 1993 ông Đỗ Văn L ở thôn L, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên có mua của ông 01 lô đất tại thôn T, xã C. Ông L được em trai là Đỗ Văn T đang ở nước ngoài nhờ mua đất, tiền mua đất của ông là tiền ông T gửi về"; ông Đỗ Minh T11: "Ông và ông L cùng làm nghề mộc với nhau nên khoảng năm 1995, ông có nghe thông tin từ ông L nói chuyện mua hộ đất cho ông T mấy mảnh gồm của ông X1, ông V2, mua của xã L, nguồn tiền đều do ông T gửi về". Phù hợp với lời khai người làm chứng Ngô Văn T5 xác nhận, nhiều lần ông T nhờ ông chuyển tiền về cho ông L giữ hộ: "Khoảng năm 1993 đến năm 1995, ông Đỗ Văn T có địa chỉ xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên có gửi cho ông chuyển giúp về Việt Nam một số lần tổng số tiền khoảng 20.000USD để đưa cho ông Đỗ Văn L là anh trai ruột của ông T. Trong năm 1997, ông T tiếp tục nhờ ông chuyển giúp về Việt Nam một số lần tổng số tiền khoảng 10.000USD cho ông L, số tiền trên ông đã bàn giao toàn bộ cho ông L". Phù hợp với cung cấp của Ngân hàng A Chi nhánh huyện V, về việc ông T có lần chuyển tiền cho ông L qua ngân hàng: "Ngày 22/7/2010 có 01 Lệnh chi tiền, 01 phiếu nhận tiền, 01 phiếu hạnh toán với nội dung ông Đỗ Văn L nhận 300 USD từ người gửi ông Đỗ Văn T địa chỉ Nga". Ngoài ra, tại Vi bằng số 475 do Văn phòng T14 lập hồi 09h15 phút ngày 18/3/2022, trích xuất từ file ghi âm bằng điện thoại cuộc nói chuyện giữa ông Chử Văn S1 và ông Đỗ Văn L ngày 22/6/2021; trích xuất từ file ghi âm bằng điện thoại cuộc nói chuyện ngày 20 tháng 6 năm 2021 giữa anh Đỗ Thanh T7 (con trai ông T) và anh Đỗ Trọng T12 (con trai ông L), ông L và anh T12 đều thừa nhận tiền mua các bất động sản trong đó có thửa đất đang tranh chấp, tiền làm nhà đều xuất phát từ tiền hàng của ông T gửi về. Đủ chứng cứ xac định tại thời điểm làm việc tại Nga từ năm 1989 cho đến khi về nước. Ông T có gửi tiền, gửi hàng về cho ông L bán hộ là sự thật. Việc ông T nhờ ông L đứng tên đấu giá thửa đất hiện đang tranh chấp, đồng thời ông L thanh toán tiền mua đất cho xã L, xây nhà bằng nguồn tiền bán hàng của ông T là thực tế. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất tranh chấp, tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Đỗ Văn T là có căn cứ.

[3.2]. Như nhận định tại mục [3.1], Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông L, trên cơ sở ông L đứng tên trên hồ sơ mua đất hộ ông T, ông L tự kê khai đăng ký đất, nay xác định nhà đất của ông T, buộc vợ chồng ông L phải trả cho ông T. Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 170 QĐ/UB ngày 03/10/1997 của UBND huyện C; huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K078969, vào sổ cấp số 1588/QSDĐ ngày 03/10/1997 thửa

đất số 538, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2 địa chỉ thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên mang tên Đỗ Văn L là có căn cứ.

[3.3]. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 2.097.123.000đ (trong đó tiền đất 1.978.000.000đ, tài sản trên đất giá trị còn lại là 119.123.000đ). Phần tiền gốc mua đất năm 1995 được xác định là 32.000.000đ. Ông L, bà T1 có công sức trong việc mua bán, quản lý, trông nom, tôn tạo, xây dựng các công trình trên đất, đóng thuế từ khi mua đất cho đến nay, công sức trong việc lấy và bán hàng hộ cho ông T để lấy tiền. Xác định ông T và ông L có công sức ngang nhau, chia phần giá trị chênh lệch tăng thêm so với tiền gốc nhận mua quyền sử dụng đất ban đầu. Hiện tại ông L, bà T1 đã có chỗ ở khác tại thửa đất số 499, tờ bản đồ số 4, diện tích 244m^2 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có hai ngôi nhà 3 tầng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T: Công nhận quyền sở hữu, sử dụng của ông Đỗ Văn T đối với nhà đất thuộc thửa đất số 538, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2 tại thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên và buộc ông Đỗ Văn L và bà Hà Thị T1 phải trả lại nhà đất tại thửa 538 cho ông Đỗ Văn T. Sau khi trừ tiền mua đất năm 1995 là 32.000.000đ và các tài sản trên đất giá trị còn lại 119.123.000đ trả ông T. Xác định công sức của ông L bằng ½ giá trị đất chênh lệch tăng thêm = (1.978.000.000đ - 32.000.000 đ) /2 = 973.000.000đ và buộc ông T phải thanh toán cho ông L, bà T1 số tiền này là có căn cứ.

[4]. Xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn:

[4.1]. Xét kháng cáo của nguyên đơn: Ông L, bà T1 có công sức như nhận định tại mục [3.3]. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ tinh thần Án lệ số 02/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định ông T và ông L có công sức ngang nhau, chia phần giá trị chênh lệch tăng thêm là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[4.2]. Xét kháng cáo của bị đơn: Căn cứ Biên bản định giá ngày 28/6/2022, có ghi lại ý kiến của đương sự, trong đó nội dung: "Bị đơn ông Đỗ Văn L và bà Hà Thị T1 đề nghị Hội đồng định giá xác định giá theo quy định của pháp luật...Bị đơn ông Đỗ Văn L và bà Hà Thị T1, Luật sư Vũ Văn T3 nhất trí với giá quyền sử dụng đất 20.000.000đ/m^2, đề nghị Hội đồng định giá tài sản ghi nhận thỏa thuận về giá đất, đối với tài sản khác đề nghị Hội đồng định giá xác định theo quy định của pháp luật", ông Đỗ Văn L và bà Hà Thị T1 ký và ghi rõ họ tên. Như vậy, có căn cứ xác định trong quá trình giả quyết vụ án bị đơn nhất trí, nên không có khiếu nại gì về việc định giá tài sản. Đối với yêu cầu không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy như nhận định tại mục [3.1]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất tranh chấp, tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Đỗ Văn T là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[5]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận, bà Hà Thị T1 và ông Đỗ Văn L có đơn miễn án phí được chấp nhận, ông Đỗ Văn T phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị T1 và ông Đỗ Văn L; không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn T.

[2]. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DSST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

[3]. Án phí phúc thẩm:

Ông Đỗ Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm dân sự. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông Đỗ Văn T đã nộp tại Biên lai thu số 0000328 ngày 07/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

Bà Hà Thị T1 và ông Đỗ Văn L không phải nộp án phí phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu luật pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Ong Thân Thắng	**Phạm Việt Hà**	**Đặng Đình Lực**

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các Đương sự;
- Lưu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Lực